

Phụ lục
GIÁ KHỞI ĐIỂM 70 LÔ ĐẤT KHU DÂN CƯ XÃ BÌNH NGHỊ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2023 của UBND huyện Tây Sơn)

STT	Lô (Thửa)	TĐĐ	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô)	Ghi chú
1	1126	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
2	1127	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
3	1128	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
4	1129	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
5	1130	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
6	1131	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
7	1132	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
8	1133	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
9	1134	13	140.0	3.200.000	448.000.000	
10	1135	13	198.0	3.520.000	696.960.000	Lô góc
11	1136	13	198.0	3.300.000	653.400.000	Lô góc
12	1137	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
13	1138	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
14	1139	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
15	1140	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
16	1141	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
17	1142	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
18	1143	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
19	1144	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
20	1145	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
21	1146	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
22	1147	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
23	1148	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
24	1149	13	140.0	3.000.000	420.000.000	

25	1150	13	191.0	3.300.000	630.300.000	Lô góc
26	1153	13	133.0	3.000.000	399.000.000	
27	1156	13	106.0	3.300.000	349.800.000	Lô góc
28	1157	13	109.0	3.080.000	335.720.000	Lô góc
29	1158	13	136.5	2.800.000	382.200.000	
30	1159	13	136.5	2.800.000	382.200.000	
31	1163	13	130.0	3.300.000	429.000.000	Lô góc
32	1164	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
33	1165	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
34	1166	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
35	1167	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
36	1168	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
37	1169	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
38	1170	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
39	1171	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
40	1172	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
41	1173	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
42	1174	13	140.0	3.000.000	420.000.000	
43	1175	13	198.0	3.300.000	653.400.000	Lô góc
44	1176	13	198.0	3.300.000	653.400.000	Lô góc
45	1177	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
46	1178	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
47	1179	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
48	1180	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
49	1181	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
50	1182	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
51	1183	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
52	1184	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
53	1185	13	140.0	2.800.000	392.000.000	
54	1186	13	209.0	3.080.000	643.720.000	Lô góc

55	1191	13	133.0	3.000.000	399.000.000	
56	1194	13	136.5	2.800.000	382.200.000	
57	1195	13	136.5	2.800.000	382.200.000	
58	1199	13	187.0	3.300.000	617.100.000	Lô góc
59	1200	13	150.5	3.000.000	451.500.000	
60	1201	13	150.5	3.000.000	451.500.000	
61	1202	13	195.0	3.000.000	585.000.000	
62	1203	13	125.0	3.300.000	412.500.000	Lô góc
63	1206	13	133.0	3.000.000	399.000.000	
64	1207	13	133.0	3.000.000	399.000.000	
65	1208	13	133.0	3.000.000	399.000.000	
66	1210	13	138.0	3.080.000	425.040.000	Lô góc
67	1212	13	136.5	2.800.000	382.200.000	
68	1213	13	136.5	2.800.000	382.200.000	
69	1215	13	136.5	2.800.000	382.200.000	
70	1216	13	128.0	3.080.000	394.240.000	Lô góc
Tổng cộng			10.111.5		30.692.980.000	
